

CHÍNH PHỦ
Số: 128/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 8 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH
Về dịch vụ chuyển phát

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát thông tin dưới dạng văn bản và dịch vụ chuyển phát kiện, gói hàng hóa tại Việt Nam, dưới đây gọi chung là dịch vụ chuyển phát.

2. Nghị định này không điều chỉnh hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ bưu chính; dịch vụ lô-gi-stíc; dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ giao nhận bằng phương thức vận tải đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát tại Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng Điều ước quốc tế

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ chuyển phát là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn thu gom, chia chọn, vận chuyển và phát, bằng các phương tiện vật lý, thông tin dưới dạng văn bản và kiện, gói hàng hóa.

Dịch vụ chuyển phát thông tin dưới dạng văn bản bao gồm cả dịch vụ chuyển phát có lai ghép (có sự kết hợp với phương tiện điện tử) và dịch vụ chuyển phát thông tin quảng cáo trực tiếp (ấn phẩm có nội dung quảng cáo, được gửi tới nhiều địa chỉ).

2. Chuyển phát nhanh là dịch vụ chuyển phát có yếu tố nhanh về thời gian và có độ tin cậy cao. Chuyển phát nhanh còn gồm các yếu tố giá trị gia tăng khác như thu gom tại địa chỉ người gửi, phát tận tay người nhận, truy tìm và định vị, khả năng thay đổi nơi nhận và địa chỉ nhận trong khi đang vận chuyển, báo phát và các yếu tố giá trị gia tăng khác.

3. Thông tin dưới dạng văn bản là thông tin được thể hiện trên bất kỳ phương tiện vật lý nào, bao gồm thư và thông tin dưới dạng văn bản khác (không phải là thư).

4. Thư là thông tin dưới dạng văn bản được đóng gói, dán kín, có khối lượng đơn chiếc không quá 02 ki-lô-gam và có địa chỉ nhận. Những chỉ dẫn chung về nơi nhận cũng được coi là địa chỉ nhận.

5. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát là doanh nghiệp cung ứng dịch vụ chuyển phát cho khách hàng và chịu trách nhiệm về dịch vụ đã cung ứng. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của dịch vụ.

6. Phạm vi dành riêng là phạm vi dịch vụ mà chỉ Bưu chính Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước về bưu chính duy nhất được thành lập theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ công ích được quyền cung cấp.

Điều 5. Phạm vi dành riêng cho Bưu chính Việt Nam

1. Dành riêng cho Bưu chính Việt Nam việc cung ứng dịch vụ chuyển phát thông tin dưới dạng văn bản có địa chỉ nhận với mức khối lượng và giá cước do Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định trong từng thời kỳ. Phạm vi dành riêng này không bao gồm việc cung ứng dịch vụ chuyển phát sách, báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ.

2. Các doanh nghiệp chuyển phát khác được phép cung cấp dịch vụ chuyển phát thông tin dưới dạng văn bản có địa chỉ nhận ngoài mức khối lượng và giá cước dành riêng cho Bưu chính Việt Nam.

3. Bộ Bưu chính, Viễn thông công bố lộ trình mở cửa thị trường dịch vụ chuyển phát phù hợp với cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam đối với dịch vụ chuyển phát.

Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về dịch vụ chuyển phát

1. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch về kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực thi các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát.

3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát.

Điều 7. Thẩm quyền quản lý nhà nước về dịch vụ chuyển phát

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát.

4. Các Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh và sử dụng dịch vụ chuyển phát tại địa phương.

Điều 8. Áp dụng thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu trong dịch vụ chuyển phát quốc tế

1. Thông tin dưới dạng văn bản, kiện, gói hàng hóa khi xuất khẩu, nhập khẩu phải hoàn tất các thủ tục hải quan, văn hóa, kiểm dịch và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát quốc tế khi là đại diện hợp pháp của người sử dụng dịch vụ được thực hiện các thủ tục nêu tại khoản 1 Điều này và được thu từ người sử dụng dịch vụ một khoản tiền trả cho dịch vụ này.

3. Người sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ thanh toán cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát các khoản thuế, phí, lệ phí mà doanh nghiệp đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các thủ tục nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. An toàn, an ninh trong dịch vụ chuyển phát

1. Bảo đảm an toàn, an ninh trong dịch vụ chuyển phát là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân.

2. Người sử dụng dịch vụ chuyển phát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát về an toàn, an ninh trong dịch vụ chuyển phát.

3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong dịch vụ chuyển phát.

4. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có trách nhiệm phối hợp, đáp ứng các điều kiện cần thiết để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật phải tạo điều kiện để doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát bảo đảm hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ.

Điều 10. Bảo đảm bí mật thông tin riêng

1. Thông tin riêng liên quan đến việc sử dụng dịch vụ chuyển phát được bảo đảm bí mật.

2. Việc mở, kiểm tra thông tin dưới dạng văn bản (trừ thư), kiện, gói hàng hóa chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Mở để xử lý, gói bọc lại khi bị hư hại, vỏ bọc bị rách nát;

b) Mở để xuất trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

c) Mở để xử lý theo quy định về vô thừa nhận giữa Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Tài chính. Thông tin dưới dạng văn bản, kiện, gói hàng hóa được coi là vô thừa nhận khi đủ chứng cứ xác định người nhận từ chối nhận và người gửi cũng từ chối nhận lại hoặc sau thời hạn 12 tháng, kể từ ngày gửi mà không phát được cho người nhận và không hoàn trả được cho người gửi.

3. Việc khám xét, thu giữ thông tin dưới dạng văn bản, kiện, gói hàng hóa chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cấm gửi trong dịch vụ chuyển phát

1. Ấn phẩm, vật phẩm, hàng hóa mà Việt Nam cấm lưu thông, cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc ấn phẩm, vật phẩm, hàng hóa mà nước nhận cấm nhập khẩu.
2. Vật, chất gây nổ, gây cháy, gây nguy hiểm.
3. Vật, chất làm mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.
4. Tiền Việt Nam, giấy tờ có giá với giá trị bằng tiền Việt Nam.
5. Ngoại hối, giấy tờ có giá với giá trị bằng tiền nước ngoài.

Chương II

KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT, CẤP PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT THƯ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Mục 1

KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT

Điều 12. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát

1. Doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam được kinh doanh dịch vụ chuyển phát khi có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển phát đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước hoặc có Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát tại Việt Nam đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với phần vốn góp của bên nước ngoài tối đa đến 51%.
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với phần vốn góp của bên nước ngoài trên 51%, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được kinh doanh dịch vụ chuyển phát kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2012.
3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư phải có Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 15, Điều 17 Nghị định này.

Điều 13. Thông báo hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có trách nhiệm thông báo hoạt động kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan dưới đây:
 - a) Sở Bưu chính, Viễn thông (đối với trường hợp kinh doanh dịch vụ chuyển phát chỉ trong phạm vi nội tỉnh);
 - b) Bộ Bưu chính, Viễn thông (đối với các trường hợp khác).
2. Hồ sơ thông báo hoạt động kinh doanh gồm:
 - a) Văn bản thông báo hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát;
 - b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển phát hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ chuyển phát tại Việt Nam;
 - c) Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ;
 - d) Bảng giá cước, chất lượng dịch vụ, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại.
3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thực hiện việc thông báo chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày đầu tiên cung ứng dịch vụ bằng việc gửi hồ sơ thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều này tới cơ quan có thẩm quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Việc thông báo hoạt động kinh doanh được thực hiện lần đầu khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát bắt đầu cung ứng dịch vụ và việc thực hiện thông báo lại được thực hiện khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thay đổi những nội dung quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này. Hồ sơ và thủ tục thông báo lại giống như hồ sơ và thủ tục thông báo lần đầu quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Xác nhận thông báo hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này gửi xác nhận bằng văn bản cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thông báo hoạt động kinh doanh.
2. Trường hợp hồ sơ thông báo chưa đầy đủ hoặc nội dung thông báo chưa chính xác, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này hướng dẫn doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát sửa đổi, bổ sung trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo hoạt động kinh doanh.
3. Trong thời gian thực hiện thủ tục thông báo hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát vẫn tiến hành cung ứng các dịch vụ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển phát hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát tại Việt Nam.

Mục 2

CẤP PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT THƯ

Điều 15. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển phát hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.
2. Có đề án kinh doanh.
3. Có các biện pháp, điều kiện để bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát.
4. Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát.

Điều 16. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

1. Doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan theo quy định tại Điều 17 Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư;
- b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển phát hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ chuyển phát tại Việt Nam;
- c) Đề án kinh doanh;
- d) Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ;
- đ) Bảng giá cước, chất lượng dịch vụ, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại.

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ hoặc nội dung chưa chính xác, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quy định tại Điều 17 Nghị định này hướng dẫn doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép kinh doanh.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quy định tại Điều 17 Nghị định này thẩm định và cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quy định tại Điều 17 Nghị định này phải trả lời rõ lý do bằng văn bản trong thời hạn nêu trên.

4. Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư.

5. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư có nghĩa vụ nộp các loại phí, lệ phí liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

1. Sở Bưu chính, Viễn thông cấp Giấy phép đối với trường hợp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư chỉ trong phạm vi nội tỉnh.
2. Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp Giấy phép đối với các trường hợp khác.

Điều 18. Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan quy định tại Điều 17 Nghị định này có quyền thu hồi Giấy phép nếu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Không bảo đảm các điều kiện về an toàn, an ninh trong quá trình hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển phát;
- b) Không triển khai cung ứng dịch vụ trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép;
- c) Các trường hợp thu hồi khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát bị thu hồi Giấy phép không được xin cấp phép lại trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau thời hạn 02 năm, doanh nghiệp muốn xin cấp lại Giấy phép làm thủ tục xin cấp Giấy phép kinh doanh mới.

Mục 3

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 19. Hình thức giao kết về cung ứng và sử dụng dịch vụ

1. Việc cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc các hình thức giao kết khác theo thỏa thuận của các bên.

2. Phiếu gửi, chứng từ, vận đơn hợp lệ và các hình thức văn bản khác thể hiện sự giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát và người sử dụng dịch vụ là cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

3. Các điều khoản chính của hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát bao gồm:

- a) Các bên của hợp đồng;